TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-PT
Ngày: 22/02/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Ngọc Hà

- *Các Thẩm phán*: Bà Lê Thị Thái Lan

Ông Ngô Chịu

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý"*; Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2021/QĐ-PT ngày 13/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Luật TNHH D; Địa chỉ trụ sở: Số nhà 247, đường H, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Trần Thị Như T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 367, đường H, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019 và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 18/11/2009, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D

(sau đây gọi tắt là Công ty) và bà Nguyễn Thị C có ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý, theo hợp đồng Công ty là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C trong vụ án tranh chấp hợp đồng giao khoán rừng với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện SH từ giai đoạn chuẩn xét xử sơ thẩm đến khi kết thúc vụ án. Hai bên có thỏa thuận thù lao hợp đồng 40% giá trị thắng kiện. Trước khi ký hợp đồng, bà C được đọc và thống nhất ký tên trong hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã thực hiện việc bảo vệ quyền lợi cho bà C trong phiên tòa sơ thẩm (ngày 07/9/2011), phiên tòa phúc thẩm (ngày 26/4/2012). Kết quả xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C, Công ty đã làm thủ tục pháp lý khiếu nại giám đốc thẩm gửi đến Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 11/12/2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm số 15/2012/DSPT ngày 26/4/2012 và Bản án sơ thẩm số 09/2011/DSST ngày 07/9/2011. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện SH xét xử sơ thẩm lại. Ngày 06/7/2016, Tòa án nhân dân huyện SH thụ lý lại vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dân sự giao khoán rừng"* giữa bà C và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện SH. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty cử Luật sự Trần Thị Như T, Trịnh Bình T1 bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà C nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/5/2019 bà C đã từ chối luật sư, nên chúng tôi vắng mặt tại phiên tòa này. Ngày 03/12/2019, Tòa án nhân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm vụ án trên và tuyên bà Nguyễn Thị C được nhận 332.800.000đ do hợp đồng bị vô hiệu. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện SH đã thi hành số tiền 50.000.000đ để trả cho bà C. Ngày 15/6/2020, bà C đã nhận số tiền 50.000.000đ từ Chi cục thi hành án dân sự huyện SH nhưng không thanh toán chi phí thù lao cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện SH buộc bà Nguyễn Thị C thanh toán 40% chi phí dịch vụ pháp lý thành tiền 133.120.000đ.

Bị đơn Nguyễn Thị C trình bày: Tôi thừa nhận vào ngày 18/11/2009 có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D nhưng tôi không đọc nội dung, không nhận bản lưu vì trước đó giữa tôi và bà T đại diện Công ty thỏa thuận miệng nếu thắng kiện sẽ trả 4% thù lao giá trị thắng kiện chứ không phải 40% như trong hợp đồng. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên hủy toàn bộ bản án thì tôi đã liên hệ và chấm dứt hợp đồng với Công ty. Tự bản thân tôi làm đơn đề nghị giám đốc thẩm chứ Công ty không hỗ trợ, giúp đỡ tôi về pháp lý. Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tôi có gặp bà T đại diện Công ty để làm giấy tờ về việc không tiếp tục thuê Công ty bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm lần 2 và bà T có làm giấy tờ về việc này nhưng hiện nay tôi không nắm giữ. Công ty yêu cầu tôi thanh toán 40% tiền dịch vụ pháp lý thành tiền 133.120.000đ tôi không đồng ý. Ngoài ra tôi không có yêu cầu hay trình bày gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D số tiền 133.120.000đ phát sinh từ tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý ký ngày 18/11/2009.

3. Đình chỉ yêu cầu đòi số tiền 12.000.000đ của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D chấp nhận trừ các khoản án phí 16.640.000đ, chi phí định giá 6.000.000đ vào số tiền bà C được nhận của Ban quản lý rừng phòng hộ SH là 332.800.000đ – 22.640.000đ = 310.160.000đ nên bà C phải thanh toán cho Công ty Luật TNHH D thù lao dịch vụ pháp lý 40% số tiền là 124.064.000đ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà, vì bà T luật sư của Công ty Luật TNHH D chỉ tham gia 01 phiên tòa sơ thẩm năm 2011 trong 05 phiên tòa, trừ chi phí đi lại, chi phí tố tụng, nên bà đồng ý trả thù lao 1/5 trong tổng số tiền bà được nhận với số tiền 60.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, trừ lại cho bà C các chi phí tố tụng vào số tiền phải thanh toán cho luật sư 133.120.000đ – 22.640.000 = 110.480.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Việc ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 18/11/2009 giữa Công ty Luật TNHH D và bà Nguyễn Thị C, đúng

quy định tại Điều 518, 519 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm các bên ký kết và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Tại khoản 2 Điều 520 của Bộ luật dân sự 2005 quy định nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ *"Trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận"* và được quy định tại Điều 3 của hợp đồng. Căn cứ tài liệu có tại hồ sơ, ngày 15/6/2020, bà C đã nhận số tiền 50.000.000đ từ Chi cục thi hành án dân sự huyện SH do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện SH thi hành nhưng bà C không thanh toán thù lao cho Công ty là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

[2]Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C công nhận sau khi cấp phúc thẩm (phiên tòa ngày 26/4/2012) không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, thì Luật sư T (đại diện của Công ty Luật TNHH D – người trực tiếp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà) soạn đơn đề nghị Giám đốc thẩm cho bà, nhưng bà C cho rằng do Luật sư T bỏ rơi không bảo vệ bà tại phiên tòa phúc thẩm này nên bà mới bị thua kiện. Tuy luật sư T làm đơn giám đốc thẩm giúp bà nhưng không tích cực trong việc liên hệ cấp cao giải quyết giám đốc thẩm, kết quả giám đốc thẩm hủy án sơ thẩm, phúc thẩm và khi các cấp Tòa án xét xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà hoàn toàn là do bà C tự bảo vệ cho mình. Trong thời gian chờ giám đốc thẩm, bà C cho rằng vào ngày 08/5/2015 bà đã liên hệ chấm dứt hợp đồng pháp lý với Công ty và nộp cho Tòa biên bản làm việc ngày 08/5/2015. Luật sư T cho rằng tại Biên bản làm việc ngày 08/5/2015, Công ty tiếp nhận đề nghị của bà C không tiếp tục theo đuổi vụ kiện, phía Công ty đã đề nghị bà C cùng Công ty tính toán thù lao để thanh lý hợp đồng nhưng bà C không thực hiện, do đó Công ty không thanh lý hợp đồng và vẫn cử luật sư tham gia bảo vệ cho bà C tại phiên tòa sơ thẩm lần 02 nhưng bà C từ chối Luật sư. Tại Điều 4 của hợp đồng, các bên đã thỏa thuận "*Trong trường hợp bên A tự ý chấm dứt hợp đồng này mà không có sự đồng ý của bên B, thì bên A vẫn phải thực hiện quy định tại Điều 3 của hợp đồng này",* do đó thỏa thuận giữa hai bên vẫn có hiệu lực. Tại Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý ghi *"Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho bên B khoản tiền thù lao tổng cộng là 40% trên tổng giá trị mà bên A được hưởng từ việc giải quyết của cơ quan thẩm quyền đối với diện tích rừng 73,1ha kể trên, 40% giá trị được tính theo giá thị trường (của cây được khai thác) có sự thống nhất của bên A và bên B và sau khi trừ đi chi phí mà Lâm trường thu của bên A. Khoản tiền thù lao này bên A phải thanh toán cho bên B ngay sau khi bên A nhận được tiền từ việc khai thác, thu hoạch diện tích rừng nói trên"*.Đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thù lao dịch vụ pháp lý, thỏa thuận trả 40% phí dịch vụ không thuộc các hành vi nghiêm cấm của luật sư, phù hợp với quy định tại Điều 4, 9, 55 của Luật luật sư năm 2006 được sửa đổi bổ sung năm 2012. Tại Điều 5 ghi "*Thời hạn thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng cho đến khi bên A nhận được tiền từ việc khai thác, thu hoạch diện tích rừng nói trên"* chứ không

phải thỏa thuận thù lao luật sư được thanh toán theo các giai đoạn xét xử của Tòa án các cấp, do đó đề nghị của bà C chỉ thanh toán phí luật sư cho 01 phiên tòa sơ thẩm ngày 07/9/2011 số tiền 60.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

[3]Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán thù lao dịch vụ 40% x 332.8000.000đ = 133.120.000đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn tự nguyện trừ lại cho bà C chi phí bà C phải nộp theo bản án phúc thẩm số 77/2019/DS-PT ngày 06/12/2019 gồm các khoản án phí 16.640.000đ, chi phí định giá 6.000.000đ vào số tiền thực nhận sau khi tính thù lao.

HĐXX thấy rằng cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa một phần án sơ thẩm, trừ lại cho bà C các chi phí tố tụng vào số tiền phải thanh toán cho luật sư là 133.120.000đ – 22.640.000 = 110.480.000đ *(Một trăm mười triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).*

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C, sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 518, 519 và khoản 2 Điều 520 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 9 và Điều 55 của Luật luật sư năm 2006 được sửa đổi bổ sung năm 2012;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D số tiền 110.480.000đ *(Một trăm mười triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) phát sinh từ tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý ký ngày 18/11/2009.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 24/6/2021) nếu bị đơn bà Nguyễn Thị C chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng phải chịu lãi theo quy định khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án.

2. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì giữ nguyên

3. Án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Thị C phải chịu 5.524.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006389 ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên. Nên bà C còn phải nộp 5.224.000 đồng *(Năm triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D 3.628.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014748 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện SH (2);
- CCTHADS huyện SH;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà